

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 09 năm 2018

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

#### I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (Học phần 1)
- Tên tiếng Anh: Fundamental Principles of Marxism and Leninism (Political economics and scientific socialism)
- Mã học phần: MLP121
- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:

*Môn học tiên quyết:*

*Môn học trước:*

- Bộ môn: Lý luận chính trị
- Khoa: Khoa học cơ bản
- Phân bố thời gian: 10 tuần
- Học kỳ: 1 năm thứ nhất
- Học phần thuộc khối kiến thức:

| Cơ bản <input type="checkbox"/>   |                                  | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> |                                  | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> |                                  |
|-----------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|
| Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/>    | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/>     | Tự chọn <input type="checkbox"/> |

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh  Tiếng Việt

#### II. Thông tin về giảng viên:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Làm việc tại bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên từ tháng 9 năm 2006 đến nay.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên.

- Điện thoại, email: nguyenthihuyen@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: việc làm, đất đai, nông nghiệp, thu nhập hộ gia đình.
- Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email):

## 2. Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Làm việc tại bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên từ tháng 9 năm 2006 đến nay.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên.
- Điện thoại, email: nguyenthuycb@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: chính sách dân tộc, bình đẳng gia đình, hệ thống CT XHCN .
- Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email):

## 3. Họ và tên: Lê Quốc Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Làm việc tại bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên từ tháng 9 năm 2006 đến nay.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, ĐH Nông Lâm Thái Nguyên.
- Điện thoại, email: lequoctuan@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: tôn giáo, văn hóa, hệ thống CT XHCN .
- Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email):

### **III. Mô tả học phần:**

Học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác –Lênin (Học phần 1) cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung nhất của con người, về thế giới, vị trí, vai trò của con người trong thế giới. Môn học sẽ trình bày một cách hệ thống những vấn đề về sự tồn tại, vật chất, ý thức, ngôn ngữ, các quy luật cơ bản, nhận thức...

### **IV. Mục tiêu và chuẩn đầu ra**

Mục tiêu: Học phần trang bị cho sinh viên những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của Chủ nghĩa Mác – Lênin; hiểu rõ cơ sở quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nền tảng tư tưởng của Đảng; trên cơ sở đó xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng,

xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng; vận dụng sáng tạo nó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, trong rèn luyện và tu dưỡng đạo đức. Xây dựng được thái độ sống tích cực, có niềm tin vào những giá trị tốt đẹp và góp phần xây dựng các giá trị tốt đẹp, biết bày tỏ thái độ, chính kiến của mình trước những hành động xấu, phản khoa học, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

| Mã HP   | Tên HP                                    | Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |
|---------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|
|         |   | 1   | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| MLP 121 | Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin | a   | - | - | - | - | - | - | - | - | -  | c  | -  | -  | b  | b  |

Ghi chú:

- a: mức đáp ứng cao
- b: mức đáp ứng trung bình
- c: mức đáp ứng thấp
- không đáp ứng
- Chuẩn đầu ra của học phần (*theo thang đo năng lực của Bloom*):

| Ký hiệu          | Chuẩn đầu ra của học phần   |      |
|------------------|---|------|
|                  | Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được   |      |
| <b>Kiến thức</b> |   |      |
| K 1              | Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác – Lênin và sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin; phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin | CĐR1 |
| K 2              | Sinh viên trình bày được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vấn đề cơ bản của triết học, vật chất, ý thức, và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.   | CĐR1 |
| K 3              | Sinh viên biết, hiểu được kiến thức về 2 nguyên lý, 6 cặp phạm trù, 3 quy luật và lý luận về nhận thức của phép biện chứng duy vật.   | CĐR1 |
| K 4              | Sinh viên phân tích được những kiến thức về sản xuất vật chất, quy luật phát triển sản xuất vật chất, sự vận động của   | CĐR1 |

|                                     |   |          |
|-------------------------------------|---|----------|
|                                     | các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử loài người.  |          |
| K 5                                 | Vận dụng các kiến thức đó vào trong thực tiễn đời sống.   | CĐR1     |
| <b>Kĩ năng</b>                      |   |          |
| K 6                                 | Sinh viên sẽ liên hệ được các kiến thức học vào thực tiễn, nhận biết, phân biệt được các vấn đề thực tiễn xung quanh và có thái độ ứng xử đúng mực, khoa học. | CĐR11    |
| K 7                                 | Sinh viên có khả năng viết và trình bày những ý kiến, quan điểm cá nhân một cách tự tin, hiệu quả.  | CĐR11    |
| K 8                                 | Sinh viên có kỹ năng phân tích và tổng hợp tài liệu.  | CĐR11    |
| <b>Thái độ và phẩm chất đạo đức</b> |   |          |
| K 9                                 | Sinh viên biết sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp, có thái độ trung thực thẳng thắn và cầu thị.                             | CĐR14,15 |

## V. Phương pháp giảng dạy và học tập

### 1. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình, và nêu vấn đề.
- Thảo luận nhóm.
- Đàm thoại

### 2. Phương pháp học tập

- Sinh viên chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên nghe giảng.
- Sinh viên phát biểu, đặt câu hỏi.
- Sinh viên thảo luận theo từng chuyên đề.

## VI. Nhiệm vụ của sinh viên

### - *Chuyên cần:*

- *Đối với giờ lý thuyết:* sinh viên tham gia ít nhất 80% số lượng tiết giảng.
- *Chuẩn bị cho bài giảng:* Sinh viên phải đọc trước các bài giảng và các tài liệu có liên quan do giảng viên cung cấp, tự tìm hiểu các vấn đề liên quan tới bài học, chuẩn bị các câu hỏi liên quan tới bài học.
- *Thái độ:* Sinh viên tích cực tham gia thảo luận, xây dựng bài, đặt câu hỏi những vấn đề chưa hiểu, chăm chỉ hoàn thành bài tập được giao.

## VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10
2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

**Bảng 1. Ma trận đánh giá CDR của học phần**

| Các CDR của học phần | Chuyên cần | Giữa kỳ | Cuối kỳ |
|----------------------|------------|---------|---------|
|                      | (20%)      | (30%)   | 50(%)   |
| K 1                  | X          | X       | X       |
| K 2                  | X          | X       | X       |
| K 3                  | X          | X       | X       |

|     |   |  |   |
|-----|---|--|---|
| K 4 | X |  | X |
| K 5 | X |  | X |
| K 6 | X |  | X |
| K 7 | X |  | X |
| K 8 | X |  | X |
| K 9 | X |  | X |

## Bảng 2. Rubric đánh giá học phần

*Lưu ý: Học phần giảng dạy có bao nhiêu hình thức đánh giá thì phải có hình thức đánh giá tương ứng*

### Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

| TIÊU CHÍ             | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10)   | KHÁ (7,0-8,4)   | TRUNG BÌNH (5,5-6,9)   | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)   | KÉM <4,0  |
|----------------------|--------------|--|---|--|--|---|
| Tham dự các buổi học | 80           | Tham dự đầy đủ các buổi học  | Vắng 2 tiết   | Vắng 4 tiết  | Vắng 6 tiết  | Vắng trên 6 tiết  |
| Ý thức học tập       | 20           | Tích cực xây dựng bài Chuẩn bị bài trước khi đến lớp Tích cực thảo luận nhóm | Tương đối tích cực phát biểu xây dựng bài, chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham gia thảo luận nhóm. | Tương đối tích cực phát biểu xây dựng bài, chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham gia thảo luận nhóm không hiệu quả. | Chưa tích cực phát biểu xây dựng bài và chuẩn bị bài ở nhà. Không tham gia vào thảo luận nhóm. | Chỉ tham dự lớp học nhưng không tham gia phát biểu và chuẩn bị bài ở nhà. Không tham gia thảo luận nhóm. Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ. Làm việc riêng trong giờ học. |

### Rubric 2: Đánh giá giữa kỳ

| TIÊU CHÍ | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10) | KHÁ (7,0-8,4) | TRUNG BÌNH (5,5-6,9) | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4) | KÉM >4,0 |
|----------|--------------|--------------|---------------|----------------------|--------------------------|----------|
|----------|--------------|--------------|---------------|----------------------|--------------------------|----------|

|   |     |   |  |  |  |   |
|---|-----|---|--|--|--|---|
| Hiểu và vận dụng kiến thức nền của môn học vào thực tiễn đời sống | 100 | Hiểu trên 85% kiến thức nền tảng về chủ nghĩa Mác – Lênin, về vấn đề cơ bản của triết học, về vật chất, ý thức, về 2 nguyên lý của phép BCDV. | Hiểu 70% - 84% những kiến thức nền tảng về chủ nghĩa Mác – Lênin, về vấn đề cơ bản của triết học, về vật chất, ý thức, về 2 nguyên lý của phép BCDV. | Hiểu 55% - 69% kiến thức nền tảng về chủ nghĩa Mác – Lênin, về vấn đề cơ bản của triết học, về vật chất, ý thức, về 2 nguyên lý của phép BCDV. | Hiểu 40% - 54% kiến thức nền tảng về chủ nghĩa Mác – Lênin, về vấn đề cơ bản của triết học, về vật chất, ý thức, về 2 nguyên lý của phép BCDV. | Hiểu dưới 40% kiến thức nền tảng về chủ nghĩa Mác – Lênin, về vấn đề cơ bản của triết học, về vật chất, ý thức, về 2 nguyên lý của phép BCDV. |
|   |     | Vận dụng thành thạo các kiến thức đó vào thực tiễn đời sống   | Vận dụng tương đối thành thạo các kiến thức đó vào thực tiễn đời sống  | Có khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn đời sống.  | Khả năng vận dụng các kiến thức đó vào trong thực tiễn đời sống.   | Chưa có khả năng vận dụng các kiến thức đó thực tiễn đời sống.  |

### Rubric 3: Đánh giá cuối kỳ

| TIÊU CHÍ | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10)  | KHÁ (7,0-8,4) | TRUNG BÌNH (5,5-6,9)   | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4)   | KÉM >4,0  |
|----------|--------------|---|---------------|--|--|---|
|          |              | Hiểu và vận dụng kiến thức nền của môn học vào thực tiễn đời sống | 100           | Hiểu trên 85% kiến thức nền tảng của môn học. Vận dụng thành thạo các kiến thức của môn vào thực tiễn đời sống | Hiểu từ 70% - 84% kiến thức nền tảng của môn học. Vận dụng tương đối thành thạo các kiến thức của môn vào thực tiễn đời sống | Hiểu 55% - 69% kiến thức nền tảng của môn học. Có khả năng vận dụng kiến thức của môn học vào trong thực tiễn đời sống. |

### VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*Sách giáo trình/Bài giảng:*

- Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Bộ giáo dục và đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, năm 2016.

*Tài liệu tham khảo khác:*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2006.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình môn Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2006.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2008.

4. Hoàng Chí Bảo, *Giá trị bền vững và sức sống của chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – sự thật, Hà Nội 2012.

5. Phạm Văn Chung, *Giáo trình lịch sử triết học: Sự hình thành và phát triển triết học Mác (giai đoạn C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.

### IX. Nội dung chi tiết của học phần :

| Nội dung  | CĐR chi tiết   | Hoạt động dạy và học   | Hoạt động đánh giá                   | CĐR học phần        |
|---|--|--|--------------------------------------|---------------------|
| <b>CHƯƠNG MỞ ĐẦU : NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN</b><br><b>1. Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin</b><br>1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành<br>1.2. Khái lược sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin<br><b>2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</b><br>2.1. Đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu<br>2.2. Một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu | - Sinh hiểu được về chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.<br><br>- Sinh viên trình bày được lịch sử ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin.<br><br>- Sinh viên hiểu mục đích học tập và đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa Mác - Lênin. | - Hoạt động dạy: thuyết trình, công não, vấn đáp.<br>- Hoạt động học<br>+ Nghe giảng<br>+ Phát biểu/ chia sẻ ý kiến trên lớp | - Chuyên cần R1.<br>- Thi giữa kỳ R2 | K1, K5, K7, K8, K9, |
| <b>PHẦN THỨ NHẤT</b>  |  |  |                                      |                     |

## THỂ GIỚI QUAN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

|  |  |   |   |   |
|--|--|---|---|---|
| <p><b>CHƯƠNG I: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG</b></p> <p><b>1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng</b></p> <p>1.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.1.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật</p> <p><b>1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</b></p> <p>1.2.1. Vật chất</p> <p>1.2.2. Ý thức</p> <p>1.2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên hiểu được vấn đề cơ bản của triết học và sự hình thành hai trường phái triết học là chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.</li> <li>- Sinh viên biết được các hình thức tồn tại của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.</li> <li>- Sinh viên hiểu được về vật chất trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.</li> <li>- Sinh viên hiểu được nguồn gốc ra đời và bản chất của ý thức.</li> <li>- Sinh viên phân tích được mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.</li> <li>- Sinh viên vận dụng kiến thức chương I vào trong đời sống.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động dạy: thuyết trình, công não, thảo luận nhóm, vấn đáp</li> <li>- Hoạt động học <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe giảng</li> <li>+ Phát biểu/ chia sẻ ý kiến trên lớp</li> <li>+ Tham gia thảo luận nhóm.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần R1.</li> <li>- Thi giữa kỳ R2</li> <li>- Thi cuối kỳ R3.</li> </ul> | <p>K2,<br/>K5,<br/>K6,<br/>K7,<br/>K8,<br/>K9</p> |
| <p><b>CHƯƠNG II: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT</b></p> <p><b>2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật</b></p> <p>2.1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng</p> <p>2.1.2. Phép biện chứng duy vật</p> <p><b>2.2. Các nguyên lý của phép biện chứng duy vật</b></p> <p>2.2.1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến</p> <p>2.2.2. Nguyên lý về sự phát triển</p> <p><b>2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</b></p> <p>2.3.1. Cái riêng và cái chung</p> <p>2.3.2. Nguyên nhân và kết quả</p> <p>2.3.3. Tất nhiên và ngẫu nhiên</p> <p>2.3.4. Nội dung và hình thức</p> <p>2.3.5. Bản chất và hiện tượng</p> <p>2.3.6. Khả năng và hiện thực</p> <p><b>2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</b></p> <p>2.4.1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại</p> <p>2.4.2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên biết được về phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng.</li> <li>- Sinh viên phân tích được nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển, từ đó vận dụng bài học của nó vào hiện thực nảy sinh trong cuộc sống.</li> <li>- Sinh viên phân tích được 6 cặp phạm trù và vận dụng ý nghĩa phương pháp luận của những cặp phạm trù này vào trong cuộc sống.</li> <li>- Sinh viên phân tích được 3 quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật.</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động dạy: thuyết trình, công não, thảo luận nhóm, vấn đáp</li> <li>- Hoạt động học <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe giảng</li> <li>+ Phát biểu/ chia sẻ ý kiến trên lớp</li> <li>+ Tham gia thảo luận nhóm.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần R1.</li> <li>- Thi giữa kỳ R2</li> <li>- Thi cuối kỳ R3.</li> </ul> | <p>K3,<br/>K5,<br/>K6,<br/>K7,<br/>K8,<br/>K9</p> |



|  |   |   |  |                               |
|--|---|---|--|-------------------------------|
| <p>2.4.3. Quy luật phủ định của phủ định</p> <p><b>2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</b></p> <p>2.5.1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức</p> <p>2.5.2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý</p>   | <p>- Sinh viên phân tích được vai trò của thực tiễn và nhận thức</p>  |   |  |                               |
| <p><b>CHƯƠNG III: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ</b></p> <p><b>3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</b></p> <p>3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó</p> <p>3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất</p> <p><b>3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</b></p> <p>3.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng</p> <p>3.2.2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p><b>3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</b></p> <p>3.3.1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội</p> <p>3.3.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p><b>3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của phát triển các hình thái kinh tế - xã hội</b></p> <p>3.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3.4.2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3.4.3. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội</p> <p><b>3.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và các mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</b></p> <p>3.5.1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</p> <p>3.5.2. Các mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</p> <p><b>3.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần</b></p> | <p>- Sinh viên phân tích được sản xuất vật chất và vai trò của sản xuất vật chất.</p> <p>- Sinh viên hiểu được quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.</p> <p>- Sinh viên hiểu được khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, và mối quan hệ giữa CSHT và KTTT.</p> <p>- Sinh viên trình bày được vai trò quyết định của tồn tại xã hội với ý thức xã hội, và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>- Sinh viên trình bày được quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái KT - XH.</p> <p>- Sinh viên phân tích được vai trò của giai cấp và các mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp.</p> <p>- Sinh viên hiểu được về con người và bản chất của con người, và vai trò sáng</p> | <p>- Hoạt động dạy: thuyết trình, công não, thảo luận nhóm, vấn đáp</p> <p>- Hoạt động học</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp</p> <p>+ Tham gia thảo luận nhóm.</p> | <p>- Chuyên cần R1.</p> <p>- Thi cuối kỳ R3.</p> | <p>K4, K5, K6, K7, K8, K9</p> |

|   |                                      |  |  |  |
|---|--------------------------------------|--|--|--|
| <b>chúng nhân dân</b><br>3.6.1. Con người và bản chất của con người<br>3.6.2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân | tạo lịch sử của quần chúng nhân dân. |  |  |  |
|---|--------------------------------------|--|--|--|

**X. Hình thức tổ chức dạy học :**

| Nội dung      | Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết) |         |           |           |        | Tổng |
|---------------|--|---------|-----------|-----------|--------|------|
|               | Lý thuyết                                | Bài tập | Thảo luận | Thực hành | Tự học |      |
| Chương mở đầu | 2  | 0       | 0         | 0         | 4      | 6    |
| Chương I      | 4  | 0       | 2         | 0         | 12     | 18   |
| Chương II     | 10                                       | 0       | 2         | 0         | 24     | 36   |
| Chương II     | 8  | 0       | 2         | 0         | 20     | 30   |
| Tổng          | 24                                       | 0       | 6         | 0         | 60     | 90   |

**XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- Phòng học, thực hành: Máy tính kết nối mạng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: microphone, máy chiếu, bảng, phấn, giấy A4, giấy A0, giấy nhớ.

*Thái Nguyên, ngày 9 tháng 9 năm 2018*

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)